TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HN** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____
Bản án số:**261/**2022/HNGĐ-ST Ngày: 24/11/2022 *V/v: Ly hôn*	

ThuNHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Quyết Thắng**
Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Vũ Thị Tuyết Mai**
Ông Lê Văn Bình
T ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hằng**
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân HN tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan – Kiểm sát viên

Ngày 24/11/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố HN xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số 197/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2022 về việc "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2022/QĐXX-ST ngày 09/11/2022, giữa:

**** Nguyên đơn:*** Chị N.T.T, sinh năm 1989; HKTT: Thôn PA, xã TĐ, huyện PT, thành phố HN. Hiện ở: Nhà máy dệt Tín Vinh, số nhà 695 đường Shenlong, quận Yangmei, thành phố ĐV, Thành phố ĐB, Đài Loan (Trung Quốc). Vắng mặt.

**** Bị đơn:*** Anh N.V.T, sinh năm 1988; HKTT: Thôn PA, xã TĐ, huyện PT, thành phố HN. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của Nguyên đơn là chị N.T.T trình bày:*** Chị N.T.T và anh N.V.T kết hôn có tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 23/10/2007 tại UBND xã TĐ, huyện PT, thành phố HN. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình Tòng đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống cũng như bất đồng trong cách nuôi dậy con cái khiến vợ chồng Tòng xuyên tranh cãi, cuộc sống hết sức nặng nề. Từ cuối năm 2014 đến nay vợ chồng chị sống ly thân. Hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện, hai bên gia đình cũng hòa giải nhưng không có kết quả. Năm 2019, chị T đi Đài Loan lao động và sinh sống. Nay chị T xác định không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N.V.T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là N.V.T sinh ngày 07/8/2008 và N.T.A.T sinh ngày 07/5/2011. Hiện hai cháu đang ở cùng bố tại Việt Nam. Khi ly hôn chị T đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Về cấp dưỡng anh chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết.

Do điều kiện chị P.T.K làm ăn ở xa không thể về Việt Nam nên xin được vắng mặt trong quá trình xét xử và giải quyết vụ án. Chị T ủy quyền cho ông Hà Văn Tùng và ông P.T.H nhận các văn bản giấy tờ của Tòa án.

**** Theo biên bản ghi lời khai anh N.V.T trình bày:*** Anh T thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn. Theo anh T, cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc đến năm 2015 khi chị N.T.T đi lao động tại nước ngoài. Từ khi đi xuất khẩu lao động đến nay chị T chỉ về thăm nhà 1 lần vào năm 2019, sau đó không thấy về nữa, cũng không gửi tiền về nuôi con. Nay chị T xin ly hôn anh T đồng ý vì chị T đi đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là N.V.T - sinh ngày 07/8/2008 và N.T.A.T - sinh ngày 07/5/2011. Hiện hai con đang ở cùng anh T. Khi ly hôn anh T đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do điều kiện ở xa và bận công việc, anh T đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị N.T.T và anh N.V.T đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân HN phát biểu:***

Về thủ tục tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố HN. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, cả chị T và anh T đều đề nghị tòa án xử vắng mặt nên Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị N.T.T và anh N.V.T đăng ký kết hôn ngày 23/10/2007 tại UBND xã TĐ, huyện PT, thành phố HN nên là hôn nhân hợp pháp. Xét cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của N.T.T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của chị. Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là N.V.T, sinh ngày 07/8/2008 và N.T.A.T, sinh ngày 07/5/2011. Cả chị T và anh T đều thống nhất sau khi ly hôn anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Thỏa thuận này của anh chị cũng phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của các con nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố HN. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt nên việc đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị N.T.T và anh N.V.T đăng ký kết hôn ngày 23/10/2007 tại UBND xã TĐ, huyện PT, thành phố HN nên là hôn nhân hợp pháp. Xét hôn nhân của chị T và anh T mâu thuẫn kéo dài từ năm 2014 đến nay nên không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của N.T.T và anh N.V.T cũng thống nhất ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là N.V.T - sinh ngày 07/8/2008 và N.T.A.T - sinh ngày 07/5/2011. Cả chị T và anh T đều thống nhất sau khi ly hôn anh T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, thực tế từ khi chị T đi lao động nước ngoài đến nay các con chung đều do anh T chăm sóc nuôi dưỡng. Các cháu vẫn sinh hoạt, học tập và phát triển bình Tòng. Cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với bố. Nên thỏa thuận của anh T và chị T về con chung là phù hợp quy pháp luật nên chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nếu các bên có yêu cầu.

Về án phí: Chị N.T.T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 55, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của chị N.T.T. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị N.T.T và anh N.V.T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao hai con chung là N.V.T - sinh ngày 07/8/2008 và N.T.A.T - sinh ngày 07/5/2011 cho anh N.V.T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị N.T.T cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Chị N.T.T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N.T.T và anh N.V.T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nếu các bên có yêu cầu.

5. Về án phí: Chị N.T.T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 1042 ngày 11/10/2022 tại Cục thi hành án dân sự thành phố HN.

Án xử công khai sơ thẩm.

Chị N.T.T và anh N.V.T được quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *VKSND TP HN;*
- *Cục THADS thành phố HN;*
- *UBND xã TĐ, huyện PT, TP HN;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Quyết Thắng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN XÉT XỬ TÒA**